Công ty Cổ phần Chế Tạo Giàn Khoan Dầu Khí
Digitally signed by Công ty Cổ phần Chế Tạo Giàn Khoan Dầu Khí
DN: C=VN, S=BÀ RỊA-VŨNG TÀU, L=Tp Vũng Tàu, CN=Công ty Cổ phần Chế Tạo Giàn Khoan Dầu Khí, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3500806844
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025-02-28 08:12:30
Foxit PhantomPDF Version: 9.7.0

Phụ lục IV/Appendix IV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/*ANNUAL REPORT*

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)/

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ/ *PETROVIETNAM MARINE SHIPYARD JSC*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness**
Số: 110/25/BC-PVSY No: 110/25/BC-PVSY	*Vũng Tàu, ngày 25 tháng 2 năm 2025* *Vung Tau, month 2 day 25 year 2025*

BÁO CÁO/ANNUAL REPORT

Thường niên năm 2024/Year 2024

Kính gửi/*To*:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/*Hanoi Stock Exchange*
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/*Vietnam Securities Depository*

I.Thông tin chung/*General information*

1. Thông tin khái quát/*General information*

- Tên giao dịch/*Trading name*: Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)/ *PetroVietnam Marine Shipyard JSC*
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Business Registration Certificate No.*: 3500806844, đăng ký lần đầu ngày 09/7/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14/08/2024/*First registered on 07/09/2007, 11th change registered on 08/14/2024.*
- Vốn điều lệ/*Charter capital:* 594.897.870.000 đồng/VND
- Địa chỉ/*Address:* 65A2 đường 30/4 phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu/ *65A2 30/4 Street, Thang Nhat Ward, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province, Vietnam.*
- Số điện thoại/*Telephone:* 0254.3545555 - 3545678
- Số fax/*Fax:* 0254.3512121 - 6254490
- Website: http://www.pvshipyard.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any): PVY*
- Giao dịch trên sàn UpCom vào Thứ 6 hằng tuần/ *Trade on UpCom every Friday*
- Quá trình hình thành và phát triển/*Establishment and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/*Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

(i) Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí thành lập ngày 09/07/2007. Cơ cấu cổ đông hiện tại gồm Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC), Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy (SBIC), Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro. Nhiệm vụ chiến lược gắn với sự ra đời của PV Shipyard là nhằm phát triển ngành chế tạo giàn khoan dầu khí tại Việt Nam ngang tầm các nước trong khu vực và trên thế giới. Đảm bảo ngành dầu khí có thể tự chủ hoàn toàn trong thi công, đóng mới giàn

khoan tự nâng, giàn khoan bán chìm, tàu khoan, tàu tự nâng và các cấu kiện thượng tầng ngoài khơi như CPP, topsides, FPSO, FSO.../*PV Shipyard was established on July 9, 2007. The current shareholder structure includes Vietnam Petroleum Technical Services Corporation (PTSC), Shipbuilding Industry Corporation (SBIC), Vietnam Machinery Installation Corporation (Lilama), Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development (BIDV), and Vietsovpetro Joint Venture. The strategic mission associated with the establishment of PV Shipyard is to develop the oil and gas rig manufacturing industry in Vietnam to be on par with other countries in the region and the world. Ensuring that the oil and gas industry can be completely self-sufficient in the construction and building of jack-up rigs, semi-submersible rigs, drillships, jack-up ships and offshore superstructures such as CPP, topsides, FPSO, FSO, etc.*

(ii) Căn cứ chế tạo PV Shipyard có quy mô gần 40 hecta tại khu vực Sao Mai – Bến Đình, Tp. Vũng Tàu. Được khởi công xây dựng từ tháng 01/2009, sau 22 tháng thi công, các hạng mục công trình liên hoàn, đồng bộ phục vụ cho việc chế tạo, đóng mới giàn khoan tự nâng đã được hình thành. Hiện PV Shipyard đang sở hữu các hạng mục công trình thiết yếu như cầu cảng, đường trượt, bãi công nghệ trung tâm, bãi chế tạo giàn khoan trên bờ, bãi đấu lắp tổng thành, nhà xưởng, kho bãi, nhà văn phòng... và các loại máy móc, thiết bị, phương tiện thiết yếu phục vụ sản xuất như cẩu chuyên dụng (1.250 tấn, 250 tấn, 110 tấn, 70 tấn, 54 tấn, 40 tấn,...), xe nâng tổng đoạn chuyên dụng (02 xe loại 270 tấn), các loại xe nâng (20 tấn, 10 tấn, 7 tấn, 5 tấn), xe nâng người, xe đầu kéo, cổng trục (60 tấn, 45 tấn), máy cắt CNC, máy khoan CNC, các loại máy hàn, máy đột, máy cắt tôn tấm, máy cưa, máy phát điện, máy nén khí, hệ thống bắn cát phun sơn... đảm bảo cơ sở vật chất và hạ tầng cho việc đóng mới và sửa chữa đồng thời 2-3 giàn khoan các loại và đảm bảo đủ cơ sở vật chất để thi công các công trình dầu khí và công trình công nghiệp khác với công suất chế tạo cơ khí khoảng 45.000 tấn kết cấu/năm. Hiện nay, bãi chế tạo của Công ty đã khẳng định được thế mạnh cạnh tranh trong thị trường dịch vụ cơ khí chế tạo tại khu vực phía Nam cũng như trên địa bàn cả nước/*PV Shipyard's manufacturing base has a scale of nearly 40 hectares in Sao Mai - Ben Dinh area, Vung Tau City. Construction started in January 2009. After 22 months of construction, the complete and synchronized project items serving the fabrication and construction of new jack-up rigs have been completed. Currently, PV Shipyard owns essential construction items such as wharf, slipway, central technology yard, onshore drilling rig manufacturing yard, assembly yard, factory, warehouse, office building... and essential machinery, equipment, and means for production such as specialized cranes (1,250 tons, 250 tons, 110 tons, 70 tons, 54 tons, 40 tons,...), specialized forklifts (02 270-ton trucks), forklifts (20 tons, 10 tons, 7 tons, 5 tons), forklifts, tractors, gantry cranes (60 tons, 45 tons), CNC cutting machines, CNC drilling machines, welding machines, punching machines, sheet metal cutting machines, saws, generators, air compressors, sandblasting systems... ensuring facilities and infrastructure for the construction and simultaneous repair of 2-3 drilling rigs of all types and ensuring sufficient facilities for construction. construction of oil and gas projects and other industrial projects with a mechanical manufacturing capacity of about 45,000 tons of structures/year. Currently, the Company's fabrication yard has affirmed its competitive strength in the mechanical manufacturing service market in the Southern region as well as nationwide.*

(iii) PV Shipyard đã chế tạo thành công giàn khoan tự nâng 90m nước, 120m nước/*PV Shipyard has successfully manufactured 90m and 120m jack-up rigs:*

+ Dự án đóng mới giàn khoan tự nâng 90m nước - Giàn khoan Tam Đảo 03: Được thực hiện theo hợp đồng EPC; khởi công chế tạo vào ngày 26/6/2009; hạ thủy vào tháng 8/2011; bàn giao cho chủ đầu tư Liên doanh Việt Nga trong tháng 03/2012 sau 38 tháng thi công, vượt trước tiến độ đã cam kết 02 tháng/- *Project to build a new 90m jack-up rig - Tam Dao 03 rig: Implemented under an EPC contract; started manufacturing on June 26, 2009; launched in August 2011; handed over to the investor, the Vietnam-Russia Joint Venture, in March 2012 after 38 months of construction, 2 months ahead of the committed schedule.*

+ Dự án đóng mới giàn khoan tự nâng 120m nước - Giàn khoan Tam Đảo 05: Dự án được thực hiện theo hợp đồng EPC; khởi công vào ngày 10/12/2013; hạ thủy vào tháng 12/2015; bàn giao cho chủ đầu tư Liên doanh Việt Nga trong tháng 11/2016./- *Project to build a new 120m jack-up rig - Tam Dao 05 rig: The project was implemented under an EPC contract; Construction started on December 10, 2013; launched in December 2015; handed over to the investor, the Vietnam-Russia Joint Venture, in November 2016.*

Đây là các công trình có khối lượng thi công rất lớn, độ phức tạp cao, lần đầu được chế tạo bởi doanh nghiệp trong nước, đưa Việt Nam vào nhóm các quốc gia có khả năng tự thiết kế chi tiết, chế tạo, chạy thử giàn khoan tự nâng hoạt động ở vùng biển sâu, khí hậu khắc nghiệt. Các giàn khoan tự nâng do PV Shipyard chế tạo hiện đang hoạt động ổn định, hiệu quả, đạt chất lượng tiêu chuẩn quốc tế. /*These are projects with a very large construction volume, high complexity, and for the first time manufactured by a domestic enterprise, putting Vietnam in the group of countries capable of designing, manufacturing, and testing jack-up rigs operating in deep seas and harsh climates. The jack-up rigs manufactured by PV Shipyard are currently operating stably, effectively, and meeting international quality standards.*

(iv) Ngoài ra, PV Shipyard đã thực hiện hoán cải, sửa chữa, nâng cấp nhiều giàn khoan tự nâng cho các khách hàng trong và ngoài nước như giàn khoan Tam Đảo 02, giàn khoan Murmanskaya, West Telesto, các giàn Naga 2, 3, 6, Java Star 2 (Drilling), Trident 16 và hoàn thành lắp chân cho các tàu Liftboat H1005, H0706A, H0706B, thi công chế tạo, bàn giao series 08 sà lan nuôi cá hồi cho khách hàng Na uy trong năm 2018-2019. Đóng mới tàu kéo chuyên dụng phục vụ gần bờ Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn.... Các công trình trên bờ như: thi công chế tạo thành công các module gói thầu B-C nhà máy hóa dầu Long Sơn, được tổng thầu Samsung đánh giá cao và tham gia thi công chế tạo nhiều dự án khác như các nhà máy nhiệt điện Long Phú 1, nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, nhà máy điện gió Bạc Liêu, module Cầu Thủ Thiêm 2, ... Các sản phẩm đều được khách hàng đánh giá rất cao về chất lượng, tiến độ và đảm bảo công tác an toàn trong quá trình sản xuất. Hiện tại, Công ty đang thực hiện các dự án liên quan đến lĩnh vực năng lượng tái tạo, đó là thi công chế tạo các trụ điện gió trên bờ và gần bờ với Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí và khách hàng Đài loan. Lượng công việc đảm bảo duy trì hoạt động SXKD của Công ty cho khoảng 05 năm tới/*In addition, PV Shipyard has converted, repaired and upgraded many jack-up rigs for domestic and foreign customers such as Tam Dao 02 rig, Murmanskaya rig, West Telesto rig, Naga 2, 3, 6 rigs, Java Star 2 (Drilling), Trident 16 and completed the installation of legs for Liftboat H1005, H0706A, H0706B, manufactured and delivered a series of 08 salmon farming barges to Norwegian customers in 2018-2019. Newly built specialized tugboats for nearshore service at Nghi Son Refinery and Petrochemical Plant.... Onshore projects such as: successfully manufacturing modules of package B-C of Long Son petrochemical plant, highly appreciated by Samsung general contractor and participating in manufacturing many other projects such as Long Phu 1 thermal power plant, Thai Binh 2 thermal power plant, Bac Lieu wind power plant, Thu Thiem 2 bridge module, etc. All products are highly appreciated by customers for their quality, progress and ensuring safety during the production process. Currently, the company is implementing projects related to the field of renewable energy, which is the construction and manufacture of onshore and nearshore wind power towers with the Petroleum Technical Services Corporation and Taiwanese customers.. The amount of work ensures the Company's production and business activities for about the next 5 years.*

(v) PV Shipyard cũng đã thực hiện thành công 02 Dự án KH&CN cấp Nhà nước với tổng giá trị trên 137 tỷ đồng gồm dự án "Nghiên cứu, thiết kế chi tiết giàn khoan tự nâng, ứng dụng trực tiếp trên giàn khoan Tam Đảo 03" và dự án "Nghiên cứu thiết kế cơ sở, chi tiết, công nghệ chế tạo, tích hợp giàn khoan tự nâng 400ft phù hợp với điều kiện Việt Nam và nghiên cứu phát triển, hoán cải giàn khoan dầu khí di động phục vụ phát triển kinh tế biển, an ninh quốc phòng"./*PV Shipyard has also successfully implemented 02 State-level Science and Technology Projects with a total value of over 137 billion VND, including the project "Research and detailed design of self-elevating drilling rigs, directly applied on Tam Dao 03 drilling rig" and the project "Research on basic design, details, manufacturing technology, integration of 400ft self-elevating drilling rigs suitable for Vietnam's conditions and research and development, conversion of mobile oil and gas drilling rigs to serve the development of the marine economy, national security and defense".*

(vi) PV Shipyard chính thức đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch upcom của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 29/7/2017 với 59,4 triệu cổ phiếu/*PV Shipyard officially registered to trade shares on the Upcom of the Hanoi Stock Exchange since July 29, 2017 with 59.4 million shares.*

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/*Business lines*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).*

+ Đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, các phương tiện nổi, thiết bị và phương tiện mới/*- Building, repairing, converting all types of drilling rigs, oil and gas drilling rigs, ships, floating vehicles, new equipment and vehicles;*

+ Đại lý cung ứng, lai dắt, sửa chữa, vệ sinh tàu biển, giàn khoan và giàn khoan khai thác dầu khí/*- Supply, towing, repair, cleaning of ships, drilling rigs and oil and gas drilling rigs;*

+ Dịch vụ cảng, bến cảng, bốc xếp hàng hóa, hoạt động kho bải và các hoạt động hỗ trợ/*- Port and wharf services, loading and unloading of goods, warehousing activities and support activities;*

+ Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Thiết kế xây dựng công trình biển- dầu khí; Thiết kế hệ thống điện và tự động công trình dầu khí; Thiết kế hệ thống và thiết bị trên tàu biển; Thiết kế cơ khí công trình công nghiệp, dân dụng; Thiết kế xây dựng công trình công nghiệp; Thiết kế lắp đặt thiết bị dầu khí; Thiết kế kết cấu các công trình giao thông đường thủy; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng)/*- Specialized design activities (Design and construction of marine and oil and gas works; Design of electrical and automatic systems for oil and gas works; Design of systems and equipment on ships; Mechanical design of industrial and civil works; Design and construction of industrial works; Design and installation of oil and gas equipment; Design of structures of waterway traffic works; Design of structures of civil works);*

+ Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển, nâng hạ, cẩu các loại)/*- Leasing of machinery, equipment and other tangible items (Leasing of means, equipment for transportation, lifting, cranes of all kinds);*

+ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Cho thuê kho, bãi, văn phòng, nhà xưởng)/*- Warehousing and storage of goods (Warehouse, yard, office, factory rental).*

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

+ Trong những năm qua, PV Shipyard đã thi công nhiều công trình cơ khí lớn trên địa bàn cả nước, nơi triển khai các dự án trọng điểm quốc gia như/*Over the years, PV Shipyard has constructed many large mechanical works nationwide, where key national projects are implemented such as:*

1. Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu/*Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province.*
2. Huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng/*Long Phu District, Soc Trang Province.*
3. Tp. Hải Phòng/*Hai Phong City.*
4. Huyện Thái Thụy, Thái Bình/*Thai Thuy District, Thai Binh.*
5. KKT Dung Quất, Bình Sơn, Quảng Ngãi, .../*Dung Quat Economic Zone, Binh Son, Quang Ngai,...*

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Entrprises).*

- Mô hình quản trị/*Governance model:*

+ Đại hội đồng Cổ đông/*General of Shareholders*

+ Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

+ Ban Kiểm soát/*Supervisory Board*

+ Ban Giám đốc/*Board of Directors*

+ Các phòng/xưởng/*Departments/factories*

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure.*

Như ở dưới/*As below*

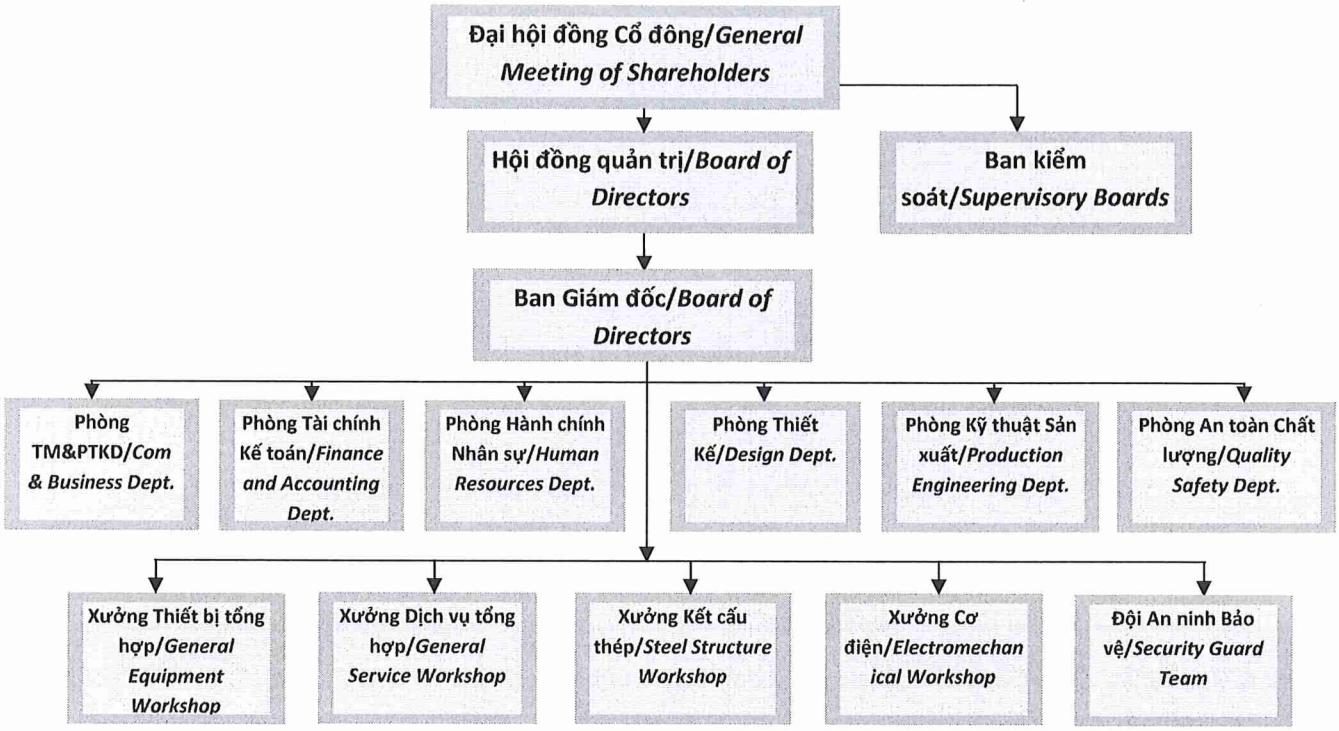

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies:* (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *(Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies):* Không có/ *Not available.*

4. Định hướng phát triển/Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/*Main objectives of the Company.*

+ Mục tiêu chủ yếu của Công ty trong giai đoạn hiện nay là đưa hoạt động của Công ty ngày càng phát triển, đạt hiệu quả cao, chấm dứt thua lỗ, tiến tới làm ăn có lãi để nâng cao sức mạnh tài chính của Công ty. Đẩy mạnh hợp tác với các đối tác chiến lược để tổ chức khai thác hiệu quả nhất cơ sở vật chất hiện có của Công ty. Hướng mạnh ra thị trường nước ngoài, từng bước nâng cao tỷ trọng khối lượng công việc từ thị trường nước ngoài, dần dần lấy thị trường nước ngoài là thị trường chính để đáp ứng khối lượng công việc/ *The main goal of the Company in the current period is to develop the Company's operations more and more, achieve high efficiency, stop losses, and move towards profitable business to enhance the Company's financial strength. Promote cooperation with strategic partners to organize the most effective exploitation of the Company's existing facilities. Focus on foreign markets, gradually increase the proportion of work volume from foreign markets, gradually taking foreign markets as the main market to meet the work volume.*

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term.*

+ Phát triển Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí trở thành tổ hợp cơ khí mạnh, trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực đóng mới, sửa chữa các loại giàn khoan biển và các công trình công nghiệp khác/ *Develop Company into a strong mechanical complex, becoming a leading enterprise in the field of building and repairing all kinds of offshore drilling rigs and other industrial works.*

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công *ty /Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

+ Phát triển bền vững là nhiệm vụ trọng tâm, luôn được quan tâm thực hiện trong mọi hoạt động sản xuất và được xác định rõ ràng trong chính sách An toàn-Sức khỏe-Môi trường của Công ty. PV Shipyard đã thực hiện xanh hóa Công ty qua hoạt động trồng mới cây xanh và thiết lập hệ thống quan trắc môi trường độc lập để kiểm soát môi trường trong khu vực Căn cứ, thực hiện tốt quản lý chất

thải trong quá trình sản xuất. Ứng dụng các thành tựu KHCN tiên tiến, tự động hóa vào sản xuất để giảm thiểu tác hại tới môi trường. Duy trì áp dụng thực chất Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015/ *Sustainable development is a key task, always focused on in all production activities and clearly defined in the Company's Safety-Health-Environment policy. PV Shipyard has greened the Company through planting new trees and establishing an independent environmental monitoring system to control the environment in the Base area, implementing good waste management during the production process. Applying advanced scientific and technological achievements, automation in production to minimize environmental impacts. Maintaining the practical application of the Environmental Management System according to ISO 14001:2015 standards.*

5. Các rủi ro/Risks: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, …)/*Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

+ Giá dầu mỏ giảm mạnh, duy trì mức giá thấp trong thời gian dài sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến khối lượng công việc của Công ty/*The sharp decline in oil prices and the long-term low price will negatively affect the Company's workload.*

+ Chủ trương, chính sách của Chính phủ trong chấp thuận triển khai các dự án lớn của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam có tác động mạnh mẽ tới khối lượng công việc của các doanh nghiệp dầu khí trong đó có PV Shipyard/*The Government's policies and decisions in approving the implementation of major projects of the Vietnam National Oil and Gas Group have a strong impact on the workload of oil and gas enterprises, including PV Shipyard.*

II. Tình hình hoạt động trong năm 2024/*Operations in the Year 2024*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/*Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,… /*Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

+ Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí, tuy phải tiếp tục đối mặt với nhiều tác động toàn cầu, ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam và các trở ngại, thách thức cùng những yếu kém, hạn chế tích tụ từ những năm trước đây như nợ vay lớn, máy móc thiết bị xuống cấp, hỏng hóc thường xuyên; đội ngũ cán bộ, công nhân lành nghề thường xuyên biến động, bộ máy thiếu tính ổn định; phải dành chi phí để nâng cấp cơ sở hạ tầng, bến bãi trong điều kiện thiếu hụt dòng tiền hoạt động…, song năm 2024 cũng là năm được đánh giá có những thuận lợi nhất định đối với hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty. Đó là nguồn công việc ổn định đến từ dự án CHW2204 của Tổng công ty PTSC và các dự án khác từ khách hàng trong Tổng công ty PTSC, khách hàng nước ngoài mà Công ty đã ký kết. Đó là sự quan tâm, chỉ đạo thiết thực từ Tổng công ty PTSC về tất cả các mặt hoạt động đã hỗ trợ Công ty rất nhiều trong quá trình khắc phục những khó khăn, hạn chế, giúp Công ty có điều kiện bứt phá trong sản xuất – kinh doanh, có lãi trở lại. Hoạt động của bộ máy dần tuân thủ tính hệ thống, mang đặc trưng văn hóa doanh nghiệp PTSC. Đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV tiếp tục được đảm bảo, thu nhập cải thiện so với trước đây/*In 2024, although the Oil and Gas Rig Manufacturing Joint Stock Company will continue to face many global impacts affecting the Vietnamese economy and obstacles, challenges, weaknesses and limitations accumulated from previous years such as large debts, degraded machinery and equipment, frequent breakdowns; the team of skilled workers and officers often fluctuate, the apparatus lacks stability; having to spend money to upgrade infrastructure and yards in conditions of operating cash flow shortages, etc., 2024 is also a year that is assessed to have certain advantages for the Company's production and business activities. That is the stable source of work from the CHW2204 project of PTSC Corporation and other projects from customers in PTSC Corporation, foreign customers that the Company has signed. It is the attention and practical guidance from PTSC Corporation in all aspects of operations that has greatly supported the Company in the process of overcoming difficulties and limitations, helping the Company to have conditions to make a*

breakthrough in production and business, and to make profits again. The operation of the apparatus gradually complies with the system, bearing the characteristics of PTSC corporate culture. The material and spiritual life of employees continues to be guaranteed, and income has improved compared to before.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/achievement/excess of the targets and against the preceding years.*

+ Căn cứ kế hoạch sản xuất – kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua, Ban Giám đốc Công ty đã có những chỉ đạo kịp thời để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và có những giải pháp hiệu quả để đảm bảo ổn định và thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển. Kết thúc năm 2024, doanh thu thực hiện ước đạt 1.068 tỷ đồng, bằng 96,42% kế hoạch năm, tăng 6,38% so với cùng kỳ năm 2023. Lợi nhuận trước thuế năm 2024 dự kiến đạt 140 triệu đồng, bằng 0,94% mục tiêu kế hoạch lợi nhuận cả năm, tăng 24,23 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023/*Based on the production and business plan approved by the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors of the Company has given timely instructions to remove difficulties and obstacles and have effective solutions to ensure stability and promote production and business development. By the end of 2024, realized revenue is estimated at VND 1,068 billion, equal to 96.42% of the annual plan, up 6.38% over the same period in 2023. Pre-tax profit in 2024 is expected to reach VND 140 million, equal to 0.94% of the annual profit plan target, up VND 24.23 billion over the same period in 2023.*

+ Lợi nhuận cả năm không đạt kế hoạch đề ra có nguyên nhân doanh thu ước thực hiện thấp hơn so với kế hoạch doanh thu khoảng 39,7 tỷ đồng, các chi phí tăng cao hơn so với kế hoạch như chi phí tài chính tăng cao hơn 2,65 tỷ đồng (kế hoạch chi phí tài chính 59,44 tỷ đồng, ước chi phí tài chính 2024 khoảng 62,1 tỷ đồng) do tăng từ lãi phạt chậm trả, lãi quá hạn; chậm trong công tác nghiệm thu, quyết toán các công việc đã hoàn thành; một mốc công việc của các dự án triển khai bị trượt tiến độ; chi phí nhân công, chi phí duy tu, sửa chữa máy móc thiết bị; chi phí nâng cấp bãi chế tạo phục vụ các dự án… cũng đều tăng cao so với dự tính nên làm giảm lợi nhuận từ các dự án, dẫn đến lợi nhuận cả năm 2024 chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đặt ra/*The reason for the failure of the whole year's profit to meet the set plan is that the estimated revenue was lower than the revenue plan by about 39.7 billion VND, and the costs increased higher than the plan, such as financial costs increased by more than 2.65 billion VND (the financial cost plan was 59.44 billion VND, the estimated financial cost in 2024 was about 62.1 billion VND) due to increased interest on late payment and overdue interest; slow acceptance and settlement of completed works; a milestone of the implemented projects fell behind schedule; labor costs, maintenance and repair costs of machinery and equipment; costs of upgrading manufacturing yards serving projects... all increased higher than expected, reducing profits from the projects, leading to the profit in 2024 not completing the set plan target.*

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

-Danh sách Ban điều hành/*List of the Board of Management*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/*List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's Director, Deputy Directors, Chief Accountant and other managers.*

STT *No.*	Thành viên Ban điều hành/*Members of Board of Management*	Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*	Trình độ chuyên môn/*Qualification*	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/*Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /*
1	Ông/*Mr.* Nguyễn Quang Hiếu	1971	Cử nhân QTKD, Kỹ sư điện động lực/ *Bachelor of Business Administration, Electrical Engineering*	Miễn nhiệm Giám đốc ngày 12/8/2024/ *Director Dismissal August 12, 2024*

2	Ông/*Mr.* Nguyễn Nam Anh	1979	Cử nhân kinh tế ngoại thương/ *Bachelor of Foreign Trade Economics*	
3	Ông/*Mr.* Ninh Văn Quyết	1983	Cử nhân kinh tế/ *Bachelor of Economics*	Miễn nhiệm Phó Giám đốc ngày 09/8/2024/ *Dismissal of Deputy Director on August 9, 2024*
4	Ông/*Mr.* Trương Duy Lâm	1984	Cử nhân khoa học, thạc sỹ Quản trị kinh doanh/ *Bachelor of Science, Master of Business Administration*	Bổ nhiệm Giám đốc ngày 12/8/2024/ *Appointed Director on August 12, 2024*
5	Bà/ Ms. Mạc Thị Hồng Vượng	1984	Cử nhân TCKT/ *Bachelor of Finance and Accounting*	

- Những thay đổi trong ban điều hành/*Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/*(List the changes in the Board of Management in the year).*

+ Trong năm 2024, Công ty thay đổi trong ban điều hành như sau/*In 2024, the Company changes in the Board of Management as follows:*

(i) Ông Nguyễn Quang Hiếu thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty; Bổ nhiệm Ông Trương Duy Lâm làm Giám đốc Công ty/*Mr. Nguyen Quang Hieu dismissal the position of Director of the Company; Appointed Mr. Truong Duy Lam as Director of the Company.*

(ii) Miễn nhiệm Phó Giám đốc - Ông Ninh Văn Quyết theo nguyện vọng cá nhân/*Dismiss Deputy Director - Mr. Ninh Van Quyet at his personal request.*

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/*Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.*

+ Tổng số lao động ký hợp đồng lao động trực tiếp với Công ty đến hết tháng 12/2024 là 629 người, trong đó công nhân lao động trực tiếp 444 người, lao động gián tiếp 185 người (bao gồm cả kỹ sư trực tiếp công trường). Số lao động sử dụng bình quân trong năm 2024 là 596 người. Số lao động trực tiếp và gián tiếp thuê ngoài qua các nhà thầu phụ & dịch vụ kỹ thuật trong năm tổng cộng 172 người/*The total number of employees signing direct labor contracts with the Company by the end of December 2024 is 629, of which 444 are direct workers and 185 are indirect workers (including engineers directly on site). The average number of employees in 2024 is 596. The total number of direct and indirect employees hired through subcontractors and technical services in the year is 172 workers.*

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/*Specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

+ Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện hoàn thành 01 hợp đồng cung cấp dịch vụ neo đậu cho giàn Severnaya Aurora, hỗ trợ công tác bàn giao lô chân đế đầu tiên cho dự án CHW2204 và bàn giao 04 hợp đồng/dự án thi công chế tạo gồm dự án J Tubes – SFE; cuốn ống Transition Piece, Jacket - CHW2204; chế tạo Transition Piece – CHW2204; tháo lắp, sửa chữa A-Frame thuộc sà lan Vetag 8/ *In 2024, the Company has completed 01 contract to provide mooring services for the Severnaya Aurora platform, supported the handover of the first jacket batch for the CHW2204 project and handed over 04 construction and fabrication contracts/projects including the J Tubes project - SFE; Transition Piece, Jacket - CHW2204 rolling; Transition Piece fabrication - CHW2204; disassembly and repair of A-Frame of the Vetag 8 barge.*

+ Đang thực hiện thi công 03 hợp đồng/dự án khác gồm (1) Dự án thi công chế tạo Jacket – SFE; (2) Dự án thi công chế tạo Topside – SFE; (3) Thi công chế tạo Module – Kanfa và đã khởi công

(1st cut) dự án OSS - Baltica 2 vào ngày 27/11/2024 và thực hiện công tác chuẩn bị triển khai dự án OSS – Fengmiao (dự kiến 1st cut vào ngày 06/01/2024)/*3 other contracts/projects are being implemented including (1) Jacket fabrication project - SFE; (2) Topside fabrication project - SFE; (3) Construction and manufacturing of Module - Kanfa and started (1st cut) of OSS - Baltica 2 project on November 27, 2024 and carried out preparations for the implementation of OSS - Fengmiao project (expected 1st cut on January 6, 2024).*

+ Các dự án/gói thầu đang triển khai thi công đều đảm bảo tiến độ, kiểm soát tốt an toàn, chất lượng. Ngoài ra, Công ty tiếp tục thực hiện cung cấp dịch vụ trên bãi chế tạo cho dự án CHW2204 và các khách hàng khác theo hợp đồng đã ký kết/ *All projects/contract packages under construction are on schedule, with good control of safety and quality. In addition, the Company continues to provide services on the fabrication yard for CHW2204 project and other customers according to signed contracts.*

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies:*(Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/*(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies*): Không có/ *Not available.*

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/*Financial situation*

Chỉ tiêu/*Indicators*	**Năm/*Year* 2023**	**Năm/Year 2024**	**% tăng giảm/% *change***
** Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:*			
Tổng giá trị tài sản/*Total asset*	1,002,913,450,982	1,122,103,427,223	11.88%
Doanh thu thuần/*Net revenue*	993,546,059,154	1,063,313,453,038	7.02%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Profit from business activities	(17,150,677,477)	415,718,258	-102.42%
Lợi nhuận khác/*Other profits*	(6,938,161,127)	(238,301,376)	-96.57%
Lợi nhuận trước thuế/*Profit before tax*	(24,088,838,604)	177,416,882	-100.74%
Lợi nhuận sau thuế/*Profit after tax*	(24,088,838,604)	177,416,882	-100.74%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/*Payout ratio*	0	0	0

- Các chỉ tiêu khác/*Other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years):* Không có/*Not available.*

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial indicators:*

Chỉ tiêu/Indicators	**Năm/Year 2023**	**Năm/Year 2024**	**Ghi chú/Note**
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ *Solvency ratio*			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/*Current ratio:* *Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn* *(Short term Asset/Short term debt)*	*41.17%*	*45.30%*	

+ Hệ số thanh toán nhanh/*Quick ratio:* Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn *Short term Asset - Inventories* *Short term Debt*	*31.16%*	*29.79%*	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/*capital structure Ratio*			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản *(Debt/Total assets ratio)*	*143.07%*	*138.48%*	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu *(Debt/Owner's Equity ratio)*	*-332.18%*	*-359.88%*	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/*Operation capability Ratio*			
+ Vòng quay hàng tồn kho/*Inventory turnover:* Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân *(Cost of goods sold/Average inventory)*	*894.61%*	*519.53%*	
+ Vòng quay tổng tài sản/*Total asset turnover:* Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân *(Net revenue/Average Total Assets)*	*117.82%*	*100.08%*	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/*Profitability*			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần *(profit after tax/Net revenue Ratio)*	*-2.42%*	*0.02%*	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu *(profit after tax/total capital Ratio)*	*5.58%*	*-0.04%*	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản *(profit after tax/Total assets Ratio)*	*-2.40%*	*0.02%*	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần *(Profit from business activities/Net revenue Ratio)*	*-1.73%*	*0.04%*	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

+ Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành là: 59.489.787 cổ phần. Toàn bộ là cổ phần tự do chuyển nhượng/*Total number of common shares in circulation is: 59,489,787 shares. All are freely transferable shares.*

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/*Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.*

Stt/*No.*	Tên cổ đông/*ShareHolder's name*	Số cổ phần sở hữu/ *Number of shares owned*	Tỷ lệ góp vốn/*Capital contribution ratio*
1	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)/ *PetroVietnam Technical Services Corporation*	17.105.643	28.75%
2	Tổng Công ty Công Nghiệp Tàu Thuỷ Việt Nam (SBIC)/ *Shipbuilding Industry Corporation*	4.479.257	7.53%
3	Tổng Công Ty Lắp Máy Việt Nam (LILAMA)/ *LILAMA CORPORATION*	2.400.000	4,03%
4	Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam (BIDV)/*Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam*	2.400.000	4,03%
5	Liên doanh Việt – Nga (VIETSOVPETRO)/*Vietsovpetro*	2.161.300	3,63%
6	Hơn 21.000 Cổ đông phổ thông/*More than 21,000 Common Shareholders*	30.943.587	52,01%
	Tổng cộng/*Total*:	**59.489.787**	**100%**

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity:* Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/*Specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

+ Năm 2010 Công ty phát hành tăng vốn từ 400 tỷ đồng lên 594,49 tỷ đồng. Hình thức phát hành rộng rãi cho các cổ đông hiện hữu góp vốn/ *In 2010, the Company issued an increase in capital from 400 billion VND to 594.49 billion VND. The form of issuing shares widely for existing shareholders to contribute capital.*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties:* Không có/ *Not available*.

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues:* Không có/ *Not available*.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/*Total direct and indirect GHG emission:*

+ Công ty chưa thực hiện thống kê khí thải nhà kính/*greenhouse gas emissions statistics have not been conducted.*

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/*Measures and initiatives to reduce GHG emission:*

+ Đến hiện tại PV shipyard chưa có các sáng kiến áp dụng cho viêc giảm thiểu phải thải nhà kính/+ *Up to now, PV Shipyard has not had any initiatives to reduce greenhouse gas emissions;*

+ Một số biện pháp nhằm giảm thiểu phác thải nhà kính PV Shipyard đã thực hiện là lắp dựng sử dụng năng lượng mặt trời cho tòa nhà văn phòng, các máy móc thiết bị có kế hoạch và thực hiện bảo

trì bảo dưỡng định kỳ, trồng thêm cây xanh xung quanh khu vực chế tạo/+ *Some measures to reduce greenhouse gas emissions that PV Shipyard has implemented are installing solar energy for office buildings, planning and performing periodic maintenance of machinery and equipment, and planting more trees around the manufacturing area.*

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

+ Tổng khối lượng nguyên vật liệu sử dụng để thi công các dự án Công ty đang thực hiện trong năm là khoảng 15,5 nghìn tấn/+ *The total volume of raw materials used to construct the projects the Company is implementing during the year is about 15.5 thousand tons.*

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization:* Không có/ *Not available.*

6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

+ Trong năm tổng điện năng sử dụng cho toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là hơn 6,2 triệu KW/*During the year, the total electricity used for the entire production and business activities of the Company was more than 6.2 million KW.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy:* (i)Thay thế các bóng đèn halogen bằng bóng đèn LED; (ii) Sử dụng đèn năng lượng mặt trời; (iii) Nghiên cứu áp dụng pin năng lượng mặt trời tại các nhà xưởng/VP của Cty/ *(i) Replace halogen bulbs with LED bulbs; (ii) Use solar lights; (iii) Research the application of solar batteries in the Company's factories/offices.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives:* Không có/*Not available.*

*6.4. Tiêu thụ nước: (*mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/*Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used.*

+ Công ty sử dụng nước của Công ty CP cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu; tổng mức nước tiêu thụ cho toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024 là hơn 63 nghìn M3/*The company uses water from Ba Ria - Vung Tau Water Supply Joint Stock Company; the water consumption for all production and business activities in 2024 is more than 63 thousand M3.*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused:* Không có/*Not available.*

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment:* Không/*No.*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment*: Không/*No.*

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/*Number of employees, average wages of workers.*

+ Tổng số lao động ký hợp đồng lao động trực tiếp với Công ty đến hết tháng 12/2024 là 629 người, trong đó công nhân lao động trực tiếp 444 người, lao động gián tiếp 185 người (bao gồm cả kỹ sư trực tiếp công trường). Số lao động sử dụng bình quân trong năm 2024 là 596 người. Số lao động trực tiếp và gián tiếp thuê ngoài qua các nhà thầu phụ & dịch vụ kỹ thuật trong năm tổng cộng 172 người. Thu nhập bình quân của CBCNV trong năm 2024 đạt 17,1 triệu đồng/người/tháng, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm 2023 và cao hơn 58,3% so với thu nhập bình quân năm 2020 (10,8 triệu đồng)/*The total number of employees signing direct labor contracts with the Company by the end of December 2024 is 629, of which 444 are direct workers and 185 are indirect workers (including*

engineers directly on site). The average number of employees in 2024 is 596. The total number of direct and indirect employees hired through subcontractors and technical services in the year is 172. The average income of employees in 2024 is 17.1 million VND/person/month, an increase of 17.9% over the same period in 2023 and 58.3% higher than the average income in 2020 (10.8 million VND).

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

+ Công ty có Thỏa ước lao động tập thể/*The company has a Collective Labor Agreement.*

+ Chính sách lao động của PV Shipyard luôn hướng về người lao động, đảm bảo mọi điều kiện tốt nhất cho người lao động trong khả năng của Công ty. PV Shipyard thực hiện nghiêm túc chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật. 100% CBCNV ký hợp đồng lao động chính thức được tham gia BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm sức khoẻ và được hưởng các chế độ khác đúng theo qui định của Nhà nước. Công ty thực hiện tốt công tác quản lý, kiểm soát chất lượng, an toàn, sức khỏe và môi trường tại các dự án thi công. Không để xảy ra tình trạng mất an toàn trong quá trình lao động, sản xuất, không để xảy ra sự cố, tai nạn lao động. Duy trì, thực hiện tốt các yêu cầu về sức khỏe an toàn nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 ISO 14001:2015 và ISO 9001:2015 và các tiêu chuẩn khác/*PV Shipyard's labor policy is always focused on employees, ensuring the best conditions for employees within the Company's capabilities. PV Shipyard strictly implements policies for employees in accordance with the law. 100% of employees who sign official labor contracts are eligible for social insurance, health insurance, unemployment insurance, health insurance and other benefits in accordance with State regulations. The Company performs well in management, quality control, safety, health and environment at construction projects. No unsafe situations occur during labor and production, no incidents or work accidents occur. Maintain and implement occupational health and safety requirements according to ISO 45001:2018, ISO 14001:2015 and ISO 9001:2015 and other standards.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/E*mployee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

+ Trong năm 2024, Công ty đã tổ chức cho 364 lượt CBCNV tham gia được 46 khóa đào tạo, tổng số giờ đào tạo là 1144 giờ, tổng chi phí cho hoạt động đào tạo của năm 2024 là trên 600 triệu đồng/*In 2024, the Company organized 364 employees to participate in 46 training courses, with a total of 1,144 training hours, and the total cost of training activities in 2024 was over 600 million VND.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

+ Đào tạo nội bộ: tổ chức được 15 khóa đào tạo cho cho 175 lượt CBCNV tham dự, ví dụ: đào tạo nghiệp vụ bảo hiểm xã hội, chấm công và tính lương, sử dụng trang thiết bị PCCC, kiểm soát vật liệu Hàn, đào tạo công nhân hàn 3G, SSw, 4G,…/*Internal training: organized 15 training courses for 175 employees to attend, for example: training on social insurance, timekeeping and payroll, using fire protection equipment, controlling welding materials, training 3G, SSw, 4G welders, etc.*

+ Cử nhân sự đi đào tạo bên ngoài: *tổ chức được 20 khóa đào tạo cho cho 122 lượt CBCNV tham dự, ví dụ: đ*ào tạo Xuất nhập khẩu thực tế, đánh giá viên nội bộ, quản lý Dự án chuyên nghiệp, đào tạo và cấp chứng chỉ "Giám sát thiết bị chống nổ" phục vụ dự án, ứng dụng CNTT trong hoạt động quản trị Logistics cho doanh nghiệp, đào tạo an toàn phóng xạ, biển, kiểm tra phân tích báo cáo tài chính, báo cáo thuế đanh cho doanh nghiệp,…/*Sending staffs for external training: organized 20 training courses for 122 employees to attend, for example: training on practical import and export, internal auditors, professional project management, training and granting certificates of "Explosion-proof equipment supervision" to serve the project, applying IT in logistics management activities for businesses, training on radiation safety, sea, checking and analyzing financial reports, tax reports for businesses, etc.*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/Report on responsibility for local community.

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service:*

+ Các dự án thực hiện thi công tại bãi chế tạo của Công ty đã tạo được lượng lớn công ăn việc làm cho người lao động tại địa phương. Giúp cho cuộc sống của nhiều gia đình được ổn định và hoạt động cộng đồng được duy trì tốt hơn. Góp phần ổn định trật tự an ninh xã hội trong khu vực/ *The projects implemented at the Company's manufacturing site have created a large number of jobs for local workers. They have helped stabilize the lives of many families and maintain better community activities. They have contributed to stabilizing social order and security in the area.*

+ Do tình hình tài chính còn khó khăn, PV Shipyard chưa có hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng. Các hoạt động phát triển cộng đồng chủ yếu thông qua việc đóng góp bằng công sức, quyên góp ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt, các gia đình hoàn cảnh khó khăn, tham gia phong trào làm sạch bãi biển Vũng Tàu, trồng cây xanh.../+ *Due to the difficult financial situation, PV Shipyard has not yet provided financial support to serve the community. Community development activities are mainly through contributions of labor, donations to support flood victims, families in difficult circumstances, participation in the movement to clean up Vung Tau beach, planting trees, etc.*

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities under the guidance of the SSC: Không có/*Not available.*

Lưu ý/Note: *(Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/*Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/*Reports and assessments of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/*the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet*)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents*:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/*Assessment of operating results:*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any)*: Tương tự như đã nêu mục 1 – Phần II ở trên/ *Same as mentioned in Section 1 – Part II above.*
- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements*:

+ Công ty đã tăng được tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm năng lượng điện gió thuộc dự án năng lượng tái tạo và năng lượng sạch theo định hướng phát triển của Chính phủ, các Bộ Ngành, Tập đoàn PVN và Tổng công ty PTSC. Góp phần tăng trưởng và mở rộng ngành cơ khí chế tạo của Đất nước ra khu vực và Thế giới/+ *The company has increased the localization rate of wind power products in renewable energy and clean energy projects according to the development orientation of the Government, Ministries, PVN Group and PTSC Corporation. Contributing to the growth and expansion of the mechanical engineering industry of the country out to the region and the world.*

2. Tình hình tài chính/*Financial Situation:* Tương tự như đã nêu tại mục 4 – Phần II ở trên/ *Same as stated in Section 4 – Part II above.*

a) Tình hình tài sản/*Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/*Analysis of assets and changes in*

assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).

(i) Tình hình tài sản/*Asset situation*:

Tổng tài sản năm 2024 đạt 1.122 tỷ đồng, tăng 11,88% so với năm 2023 (1.002 tỷ đồng); Tài sản ngắn hạn tăng từ 590,649 tỷ đồng lên 703,824 tỷ đồng (+19,17%), chủ yếu do Hàng tồn kho tăng đáng kể từ 143,581 tỷ đồng lên 240,965 tỷ đồng (+67,85%), ảnh hưởng đến hiệu suất quay vòng vốn; Tài sản dài hạn tăng nhẹ khoảng 1% từ 412,263 tỷ đồng lên 418,278 tỷ đồng, chủ yếu do tăng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang/*Total assets in 2024 will reach VND 1,122 billion, an increase of 11.88% compared to 2023 (VND 1,002 billion); Current assets will increase from VND 590,649 billion to VND 703,824 billion (+19.17%), mainly due to a significant increase in inventories from VND 143,581 billion to VND 240,965 billion (+67.85%), affecting capital turnover efficiency; Long-term assets will increase slightly by about 1% from VND 412,263 billion to VND 418,278 billion, mainly due to an increase in unfinished production and business costs.*

(ii) Hiệu quả sử dụng tài sản/*Asset utilization efficiency*:

Vòng quay tài sản giảm từ 117,82% xuống 100,08%, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản giảm nhẹ; Vòng quay hàng tồn kho giảm mạnh từ 894,61% xuống 519,53%, phản ánh tình trạng hàng tồn kho tăng nhanh hơn doanh thu/*Asset turnover will decrease from 117.82% to 100.08%, indicating a slight decrease in asset utilization efficiency; Inventory turnover decreased sharply from 894.61% to 519.53%, reflecting the situation of inventory increasing faster than revenue.*

b) Tình hình nợ phải trả/*Debt Payable*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/*Current debts, major changes of debts.*

+ Tình hình nợ của công ty có sự gia tăng ở nợ ngắn hạn và giảm ở nợ dài hạn: Tổng nợ phải trả năm 2024 là 1.553,882 tỷ đồng, tăng 8,36% so với năm 2023 (1.434,870 tỷ đồng) có thể tạo áp lực thanh toán lớn trong thời gian tới, nếu dòng tiền kinh doanh không đủ mạnh, công ty có thể gặp khó khăn trong việc trả nợ đúng hạn/+ *The company's debt situation has an increase in short-term debt and a decrease in long-term debt: Total debt payable in 2024 is 1,553,882 billion VND, an increase of 8.36% compared to 2023 (1,434,870 billion VND) which can create great payment pressure in the coming time. If the business cash flow is not strong enough, the company may have difficulty paying debts on time.*

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

+ Tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng đến chi phí tài chính nhưng tác động không quá lớn nhờ việc kiểm soát tốt hơn trong năm 2024. Công ty cần có chiến lược phòng vệ rủi ro tỷ giá để đảm bảo lợi nhuận bền vững. Chi phí lãi vay năm 2024 tăng 1.232 tỷ đồng so với năm 2023 làm tăng chi phí tài chính, giảm lợi nhuận, ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của công ty/+ *Exchange rates affect financial costs, but the impact is not too great thanks to better control in 2024. The company needs to have a strategy to hedge exchange rate risks to ensure sustainable profits. Interest expenses in 2024 increased by VND 1,232 billion compared to 2023, increasing financial costs, reducing profits, and affecting the company's solvency.*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/*Improvements in organizational structure, policies, and management.*

+ PV Shipyard luôn duy trì bộ máy hiệu quả, gọn nhẹ. Số lượng lao động phù hợp với khối lượng công việc. Trong sử dụng lao động luôn hướng tới ổn định, linh hoạt, một người làm được nhiều việc, một việc chỉ có một người chịu trách nhiệm/+ *PV Shipyard always maintains an efficient and compact apparatus. The number of employees is appropriate to the workload. In using labor, we always aim for stability and flexibility, one person can do many jobs, one job has only one person responsible.*

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/*Development plans in future*

+ Ngoài chú trọng lĩnh vực sản xuất chính là đóng mới và sửa chữa, hoán cải giàn khoan, trong thời gian tới PV Shipyard chú trọng đẩy mạnh lĩnh vực cung cấp dịch vụ để khai thác tối đa lợi thế về cơ sở vật chất hiện có. Tăng khối lượng công việc onshore, thi công chế tạo các module cung cấp cho các nhà máy điện gió, điện khí LNG và các công trình công nghiệp khác/+ *In addition to focusing on*

the main production sector of building, repairing and converting drilling rigs, in the coming time, PV Shipyard will focus on promoting the service provision sector to exploit the maximum advantage of existing facilities. Increase the volume of onshore work, construct and manufacture modules for wind power plants, LNG power plants and other industrial projects.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)*/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).*

+ Ý kiến của kiểm toán: Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024/+ *Auditor's opinion: Due to the significance of the matter stated in the "Basis for Disclaimer of Opinion" paragraph, we have not been able to obtain sufficient appropriate audit evidence to provide a basis for an audit opinion. Therefore, we are unable to express an audit opinion on the Company's financial statements for the year ended 31 December 2024.*

+ Giải trình của Ban Giám đốc: (i) Khoản lỗ hàng năm của Công ty chủ yếu là khoản lỗ từ chi phí lãi vay của hợp đồng vay ủy thác quản lý vốn từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam do Ngân hàng PVCombank quản lý. Đây là khoản vay dùng để đầu tư cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị thuộc giai đoạn 1 của Công ty từ năm 2011. Hàng năm Công ty liên tục làm việc với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Ngân hàng PVCombank xin cơ cấu lại khoản gốc vay và lãi vay, nhưng đến nay Công ty chưa nhận được sự chấp thuận của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về các phương án nhằm cơ cấu khoản vay này. Tuy nhiên, Công ty cũng không bị nhảy nhóm nợ (chuyển sang nợ xấu) trên hệ thống ngân hàng; (ii) Các khoản thu từ dự án đã, đang và sẽ thực hiện tạo ra dòng tiền đủ để duy trì hoạt động của Công ty và trả bớt một phần của khoản tiền vay gốc. Trong trường hợp Công ty nhận được sự chấp thuận của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc khoanh nợ và miễn lãi thì Công ty tin rằng Công ty sẽ có lợi nhuận và tạo ra đủ nguồn thu để xử lý gốc vay hiện tại trong vòng 10 năm. Công ty sẽ tiếp tục làm việc với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để xin cơ cấu lại khoản gốc vay và lãi vay/ + *Explanation from the Board of Directors: (i) The Company's annual loss is mainly the loss from interest expenses on the loan contract for entrusted capital management from the Vietnam Oil and Gas Group managed by PVCombank. This is a loan used to invest in infrastructure, machinery and equipment in phase 1 of the Company since 2011. Every year, the Company continuously works with the Vietnam Oil and Gas Group and PVCombank to restructure the loan principal and interest, but up to now, the Company has not received approval from the Vietnam Oil and Gas Group on the plans to restructure this loan. However, the Company has not been transferred to a bad debt group (converted to bad debt) in the banking system; (ii) Revenues from projects that have been, are being and will be implemented create enough cash flow to maintain the Company's operations and pay off a portion of the principal loan. In case the Company receives approval from the Vietnam Oil and Gas Group to postpone the debt and waive interest, the Company believes that the Company will be profitable and generate enough revenue to handle the current loan principal within 10 years. The Company will continue to work with the Vietnam Oil and Gas Group to restructure the loan principal and interest.*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company.*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)*/Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).*

+ Công tác quan trắc môi trường, nước thải sinh hoạt được PV Shipyard tiến hành định kỳ hàng năm theo quy định của pháp luật, do đơn vị chuyên ngành trực thuộc Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thực hiện. Kết quả các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong phạm vi cho phép của luật bảo vệ môi trường/+ *Environmental monitoring and domestic wastewater monitoring are conducted annually by PV Shipyard in accordance with the law, by a specialized unit under the Department of Natural Resources and Environment of Ba Ria - Vung Tau province. The results of the monitoring indicators are all within the permitted scope of the environmental protection law.*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues.*

+ Người lao động làm việc cho PV Shipyard được đảm bảo mọi quyền lợi theo quy định pháp luật và hợp đồng lao động ký kết nên không có vấn đề phát sinh trong năm/+ *Employees working for PV Shipyard are guaranteed all rights according to the law and signed labor contracts, so there are no problems arising during the year.*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community.*

+ PV Shipyard thực hiện tốt nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương nơi đặt trụ sở Công ty/+ *PV Shipyard fulfills its corporate obligations to the local community where the Company is headquartered.*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

+ Hội đồng quản trị đánh giá cao kết quả đạt được trong năm 2024. Dù khó khăn nhưng Công ty vẫn thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua. Đảm bảo được đời sống, việc làm cho người lao động. Môi trường, cảnh quan Công ty ngày càng xanh, sạch, đẹp. Các đối tác, khách hàng ngày càng tin tưởng và sẵn sàng hợp tác trong tương lai. Tiếp tục trả được nợ gốc cho các khoản vay trước đây dù tình hình tài chính Công ty còn gặp rất nhiều khó khăn/+ *The Board of Directors highly appreciated the results achieved in 2024. Despite the difficulties, the Company still achieved and exceeded the targets approved by the 2024 Shareholders' Meeting. Ensuring the lives and jobs of employees. The Company's environment and landscape are increasingly green, clean and beautiful. Partners and customers increasingly trust and are willing to cooperate in the future. Continuing to repay the principal of previous loans despite the Company's financial situation still facing many difficulties.*

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance.

+ Ban Giám đốc có tinh thần trách nhiệm cao, năng động, vượt khó, dám nghĩ, dám làm. Minh bạch, đảm bảo công bằng và tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty trong điều hành doanh nghiệp. Chuẩn bị đầy đủ, kịp thời các tài liệu phục vụ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Số liệu chính xác, tin cậy, giúp các thành viên Hội đồng quản trị nhìn nhận các vấn đề đặt ra một cách chân thực, khách quan, từ đó có các quyết nghị kịp thời hỗ trợ hoạt động điều hành Công ty/+ *The Board of Directors has a high sense of responsibility, is dynamic, overcomes difficulties, dares to think, dares to do. Transparency, ensures fairness and compliance with the provisions of the law and the Company's Charter in business operations. Prepares complete and timely documents for Board of Directors meetings. Accurate and reliable data helps Board of Directors members perceive issues realistically and objectively, thereby making timely decisions to support the Company's operations.*

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors

+ Hội đồng Quản trị tiếp tục nghiên cứu định hướng phát triển PV Shipyard theo nguyên tắc cẩn trọng, hiệu quả; theo dõi giám sát việc thực hiện tốt các mốc tiến độ và chất lượng thi công một số dự án PV Shipyard; tiếp tục chỉ đạo PV Shipyard phát triển công tác marketing, tìm kiếm thêm các hợp đồng dự án khác để đảm bảo duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Shipyard ổn định lâu dài; tiếp tục chỉ đạo PV Shipyard thực hiện công tác kiểm soát và giảm thiểu các chi phí để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, kiện toàn bộ máy nhân sự theo mô hình gọn nhẹ và hoạt động hiệu quả; tiếp tục chỉ đạo PV Shipyard duy trì việc áp dụng tốt Hệ thống quản lý tích hợp QHSE đã đạt được và các hệ thống khác/+ *The Board of Directors continues to study the development orientation of PV Shipyard according to the principles of caution and efficiency; monitor and supervise the good implementation of progress milestones and construction quality of some PV Shipyard projects; continue to direct PV Shipyard to develop marketing activities, seek additional project contracts to ensure the maintenance and development of PV Shipyard's production and business activities in a stable and long-term manner; continue to direct PV Shipyard to carry out the work of controlling and minimizing costs to increase production and business efficiency, perfecting the human resources*

apparatus according to a compact and efficient model; continue to direct PV Shipyard to maintain the good application of the achieved QHSE Integrated Management System and other systems.

V. Quản trị công ty/*Corporate governance*

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/*(the list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies).*

Stt *No.*	Thành viên HĐQT/ *Board of Directors' members*	Chức vụ/ *Position* (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành) *(Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)*	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết; các chứng khoán khác do Cty phát hành/ *Ratio of ownership of voting shares; other securities issued by the Company*	Ghi chú/Note
1	Ông/Mr. Bùi Thanh Nam	Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)/ Chairman *(specialized)*	11,76%	Ô.Bùi Thanh Nam đại diện vốn của PTSC: 7.000.000 CP ~ 11,765%/VĐL/Mr. Bui Thanh Nam represents PTSC's capital of 7,000,000 shares ~ 11.765%/charter capital.
2	Ông/Mr. Nguyễn Quang Hiếu	Thành viên (kiêm nhiệm)/ *Members of the Board of Directors (concurrent)*	9,84%	Ô.Nguyễn Quang Hiếu đại diện vốn của PTSC: 5.855.643 CP ~ 9,84%/VĐL/Mr. Nguyen Quang Hieu represents PTSC's capital of 5.855.643 shares ~ 9.84%/charter capital.
3	Ông/Mr. Vũ Minh Phú	Thành viên (kiêm nhiệm)/ *MBD (concurrent)*	7,53%	Ô.Vũ Minh Phú đại diện vốn của SBIC: 4.479.257 CP ~ 7,53%/VĐL/Mr. Vu Minh Phu represents SBIC's capital: 4,479,257 shares ~ 7.53%/charter capital
4	Ông/Mr. Nguyễn Tuấn	Thành viên (kiêm nhiệm)/ *MBD (concurrent)*	7,14%	Ô.Nguyễn Tuấn đại diện vốn của PTSC: 4.250.000 CP ~ 7,145%/VĐL/Mr. Nguyen Tuan represents PTSC's capital of 4,250,000 shares ~ 7.145%/charter capital.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Thelist of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*) Không có/ *Not available.*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, contents and results of meetings.*

+ Số lượng các cuộc họp/*the number of Board of Directors meetings:*

Stt *No.*	Thành viên HĐQT/ *Board of Director' member*	Số buổi họp HĐQT tham dự/*Number of meetings attended by Board of Directors*	Tỷ lệ tham dự họp/ *Attendance rate*	Lý do không tham dự họp/Reasons *for absence*
1	Ông/ Mr. Bùi Thanh Nam	04	100%	-
2	Ông/Mr. Vũ Minh Phú	04	100%	-
3	Ông/Mr. Nguyễn Tuấn	04	100%	-
4	Ông/Mr. Nguyễn Quang Hiếu	04	100%	-

+ Nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Content and results of meetings:*

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*	Tỷ lệ thông qua *Approval rate*
1	007/24/NQ-HĐQT	05/04/2023	Hội đồng quản trị Công ty thông qua báo cáo tình hình SXKD quý 1 và kế hoạch quý 2 năm 2024 của BGĐ Công ty/ *The Board of Directors of the Company approved the report on the first quarter business situation and the second quarter 2024 plan of the Company's Board of Directors.*	100%
2	008/24/NQ-HĐQT	17/04/2024	Thống nhất lùi ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (Đại hội) của công ty sang ngày 28/06/2024; Trường hợp số lượng cổ đông tham dự ĐHCĐ2024 lần 1 không đủ tỷ lệ % theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, công ty sẽ tổ chức thực hiện họp lần 2 vào ngày 29/06/2024/ *Agreed to postpone the date of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders (AGM) of the company to June 28, 2024; In case the number of shareholders attending the 2024 AGM does not reach the required percentage as prescribed by the Law on Enterprises and the Charter, the company will organize the 2nd meeting on June 29, 2024.*	100%
3	010/24/NQ-HĐQT	08/07/2024	Hội đồng quản trị Công ty thông qua báo cáo tình hình SXKD quý 2 và kế hoạch quý 3 năm 2024 của BGĐ Công ty/ *The Board of Directors of the Company approved the report on the production and business situation of the second quarter and the plan for the third quarter of 2024 of the Company's Board of Directors.*	
4	012/24/NQ-HĐQT	07/10/2024	Hội đồng quản trị Công ty thông qua báo cáo tình hình SXKD 9 tháng đầu năm và kế hoạch 3	

			tháng cuối năm 2024 của BGĐ Công ty/ *The Board of Directors of the Company approved the report on the production and business situation in the first 9 months of the year and the plan for the last 3 months of 2024 of the Company's Board of Directors.*	

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of the Board of Directors' independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees:* (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results):* Không có/ *Not available*.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*The list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate gorvenance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*: Như danh sách đã nêu ở mục 1c – Phần V ở trên/ *As listed in item 1c – Part V above.*

2. Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*Thelist of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company).*

Stt *No.*	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán *Members of Board of Supervisors/ Audit Committee*	Chức vụ *Position*	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán *The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee*	Trình độ chuyên môn *Qualification*
1	Bà/Ms. Nguyễn Lệ Trà	Trưởng BKS/ *Head of Supervisory Board*		Cử nhân TCKT/ *Bachelor of Finance and Accounting*
2	Ông/Mr. Phạm Công Huy	Thành viên/ *Member of SB*		Cử nhân kế toán/ *Bachelor of Finance and Accounting*
3	Ông/Mr. Phạm Thường Minh	Thành viên/ *Member of SB*		Thạc sỹ QTKD/ Master of Business Administration

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/*Activities of the Board of Supervisors/Audit Committee:*(đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors'/Audit Committee'smeetings, their contents and results*).

Stt *No.*	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán *Members of Board of Supervisors/ Audit Committee*	Số buổi họp tham dự *Number of meetings attended*	Tỷ lệ tham dự họp *Attendance rate*	Tỷ lệ biểu quyết *Voting rate*	Lý do không tham dự họp *Reasons for absence*

1	Bà/Ms. Nguyễn Lệ Trà	02	100%	100%	
2	Ông Phạm Công Huy	02	100%	100%	
3	Ông/Mr.Phạm Thường Minh	02	100%	100%	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/Audit Committee

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained*): Như bảng đính kèm/*As per attached.*

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*): Không có/ *Not available.*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right*: Không có/ *Not available.*

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the implementation of regulations on corporate governance:* (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance. Specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*): Nhìn chung Công ty đã thực hiện đầy đủ về quản trị công ty theo quy định/*In general, the Company has fully implemented corporate governance according to regulations.*

VI. Báo cáo tài chính/*Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions:

+ Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã báo cáo số lỗ lũy kế khoảng 1.029,22 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2024 khoảng 1.029,40 tỷ đồng); Vốn chủ sở hữu âm tại ngày 31/12/2024 khoảng 431,73 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2024 khoảng 431,91 tỷ đồng) và cũng tại ngày này, tổng nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn khoảng 836,33 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2024 khoảng 829,98 tỷ đồng). Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ lượng tiền phục vụ kinh doanh. Công ty tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh sẽ tiếp tục với việc thu hồi công nợ phải thu từ các dự án đã hoàn thành, việc thực hiện các hợp đồng kinh tế đã và sẽ được ký kết và thực hiện trong những năm tiếp theo tạo dòng tiền để có thể thanh toán các khoản công nợ. Đồng thời, Công ty đang tiếp tục xin cơ cấu lại khoản nợ vay của Ngân hàng. Tuy nhiên chúng tôi không thể thu thập

được bằng chứng kiểm toán thích hợp về các kế hoạch hoạt động này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính của Công ty kèm theo được lập với giả định Công ty tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không/+ *As of December 31, 2024, the Company reported an accumulated loss of approximately VND 1,029.22 billion (as of January 1, 2024, approximately VND 1,029.40 billion); Negative equity as of December 31, 2024 was approximately VND 431.73 billion (as of January 1, 2024, approximately VND 431.91 billion) and also on this date, total short-term liabilities exceeded total short-term assets by approximately VND 836.33 billion (as of January 1, 2024, approximately VND 829.98 billion). Accordingly, the Company's ability to continue operating depends on its ability to generate sufficient cash flow for business operations. The Company believes that its business will continue with the collection of receivables from completed projects, the implementation of economic contracts that have been and will be signed and implemented in the following years to create cash flow to be able to pay off debts. At the same time, the Company is continuing to request the restructuring of the loan from the Bank. However, we have not been able to collect appropriate audit evidence on these operating plans. Therefore, we are unable to determine whether the accompanying financial statements of the Company are prepared on the assumption that the Company will continue to operate as a going concern.*

+ Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024/ + *Due to the significance of the matter stated in the "Basis for Disclaimer of Opinion" paragraph, we have not been able to collect sufficient appropriate audit evidence to provide a basis for expressing an audit opinion. Therefore, we are unable to express an audit opinion on the Company's financial statements for the fiscal year ended December 31, 2024.*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explaination. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided*): (i) Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam/ *Financial statements audited by Vietnam Auditing and Valuation Company Limited;* (ii) Báo cáo tài chính được kiểm toán đã được Công ty đăng tải toàn văn nội dung trên website: https://www.pvshipyard.com.vn/ - mục cổ đông – báo cáo tài chính/ *The audited financial report has been posted by the Company in full on the website: https://www.pvshipyard.com.vn/ - shareholders section - financial report.*

Nơi nhận: ***Recipients:*** - Như trên/as above (b.c CBTT); - Lưu/save: VT, Tổ TL-TK; - Archived: 04 bản/04 copies	**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY/** *CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE* *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)/(Signature, full name and seal)* CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ ***GIÁM ĐỐC****/DIRECTOR* **Trương Duy Lâm**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ/
Petrovietnam Marine Shipyard SJC

TỔNG HỢP LƯƠNG/THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2024/

SUMMARY OF SALARY/REMUNERATION OF BOARD OF DIRECTORS, SUPERVISORY BOARD, AND MANAGEMENT BOARD IN 2024

TT/No.	Họ và tên/*Full name*	Chức danh/*Title*	Tháng 1/Jan		Tháng 2/Feb		Tháng 3/Mar		Tháng 4/Apr		Tháng 5/May		Tháng 6/Jun		Tháng 7/Jul		Tháng 8/Aug		Tháng 9/Sep		Tháng 10/Oct		Tháng 11/Nov		Tháng 12/Dec		Tổng cộng/ Total
			Lương/Wage	Thù lao/remuneration	Lương/Wage	Thù lao/remuneration	Lương/Wage	Thù lao/remuneration	Lương/Wage	Thù lao/remuneration	Lương/Wage	Thù lao/remuneration	Lương/Wage	Thù lao/remuneration	Lương/Wage	Thù lao/remuneration	Lương/Wage	Thù lao/remuneration	Lương/Wage	Thù lao/remuneration	Lương/Wage	Thù lao/remuneration	Lương/Wage	Thù lao/remuneration	Lương/Wage	Thù lao/remuneration	
I	**HĐQT, BKS/*Board of Directors, Supervisory Board***		**44,472,000**	**13,000,000**	**44,472,000**	**13,000,000**	**44,472,000**	**13,000,000**	**44,472,000**	**13,000,000**	**44,472,000**	**13,000,000**	**45,472,000**	**13,000,000**	**45,472,000**	**13,000,000**	**45,472,000**	**13,000,000**	**47,920,923**	**13,000,000**	**46,172,000**	**13,000,000**	**46,172,000**	**13,000,000**	**46,172,000**	**10,000,000**	**698,212,923**
HDQT14	Bùi Thanh Nam	Chủ tịch HĐTQ (chuyên trách)/*Chairman of the Board of Directors (full-time)*	44,472,000		44,472,000		44,472,000		44,472,000		44,472,000		45,472,000		45,472,000		45,472,000		47,920,923		46,172,000		46,172,000		46,172,000		545,212,923
MS1068	Ông Nguyễn Quang Hiếu	TV HĐQT/*Member of Board of Directors*		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		-	33,000,000
HDQT05	Vũ Minh Phú	TV HĐQT (kiêm nhiệm)/*Member of Board of Directors (concurrent)*		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000	36,000,000
HDQT13	Nguyễn Tuấn	TV HĐQT (kiêm nhiệm)/*Member of Board of Directors (concurrent)*		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000		3,000,000	36,000,000
BKS008	Phạm Công Huy	TV HĐQT (kiêm nhiệm)/*Member of Board of Directors (concurrent)*		2,000,000		2,000,000		2,000,000		2,000,000		2,000,000		2,000,000		2,000,000		2,000,000		2,000,000		2,000,000		2,000,000		2,000,000	24,000,000
MS0160	Phạm Thường Minh	TV HĐQT (kiêm nhiệm)/*Member of Board of Directors (concurrent)*		2,000,000		2,000,000		2,000,000		2,000,000		2,000,000		2,000,000		2,000,000		2,000,000		2,000,000		2,000,000		2,000,000		2,000,000	24,000,000
II	**Ban GĐ/*Board of Directors***		**122,983,336**	**-**	**143,174,998**	**-**	**143,175,001**	**-**	**142,168,520**	**-**	**143,174,997**	**-**	**146,174,999**	**-**	**146,174,998**	**-**	**131,854,384**	**-**	**101,420,921**	**-**	**98,646,999**	**-**	**98,647,000**	**-**	**98,647,000**	**-**	**1,516,243,153**
MS1068	Ông/Mr.Nguyễn Quang Hiếu	Giám đốc/*Director*	41,000,000		41,000,000		41,000,000		40,925,926		41,000,000		42,000,000		41,999,999		42,000,000										330,925,925
MS3698	Ông/Mr.Trương Duy Lám	Giám đốc/*Director*	-		-		-		-		-		-		-		20,987,078		47,220,923		45,472,000		45,472,000		45,472,000		204,624,001
MS0010	Ông/Mr.Nguyễn Nam Anh	Phó Giám đốc/*Vice Director*	42,094,444		52,174,999		52,175,001		51,724,075		52,174,999		53,175,000		53,175,000		53,174,998		54,199,998		53,174,999		53,175,000		53,175,000		623,593,513
MS0773	Ông/Mr.Ninh Văn Quyết	Phó Giám đốc/*Vice Director*	39,888,892		49,999,999		50,000,000		49,518,519		49,999,998		50,999,999		50,999,999		15,692,308		-		-		-		-		357,099,714
III	**Trợ lý BGĐ/*Assistant to the Board of Directors***		**102,713,889**	**-**	**101,440,384**	**-**	**104,825,001**	**-**	**105,565,741**	**-**	**105,363,461**	**-**	**109,125,000**	**-**	**105,894,231**	**-**	**104,509,616**	**-**	**103,871,155**	**-**	**109,125,000**	**-**	**107,894,231**	**-**	**87,894,231**	**-**	**1,248,221,940**
MS1071	Kiều Tư	Trợ lý thương mại BGĐ/*Commercial Assistant of the Board of Directors*	37,703,704		36,461,538		38,000,000		37,703,704		37,384,615		38,000,000		37,076,923		38,000,000		34,538,462		38,000,000		37,538,462		35,230,769		445,638,177
MS0226	Lý Việt Cường	Trợ lý kỹ thuật BGĐ/*Technical Assistant of the Board of Directors*	37,047,222		37,171,154		38,825,001		39,899,074		40,055,769		40,825,000		38,517,308		36,209,616		38,132,693		40,825,000		40,055,769		40,825,000		468,388,606
MS0044	Phạm Trường Giang	Trợ lý Chủ tịch/BGĐ/*Assistant to Chairman/Board of Directors*	27,962,963		27,807,692		28,000,000		27,962,963		27,923,077		30,300,000		30,300,000		30,300,000		31,200,000		30,300,000		30,300,000		11,838,462		334,195,157
	Tổng cộng/*Total:*		**270,169,225**	**13,000,000**	**289,087,382**	**13,000,000**	**292,472,002**	**13,000,000**	**292,206,261**	**13,000,000**	**293,010,458**	**13,000,000**	**300,771,999**	**13,000,000**	**297,541,229**	**13,000,000**	**281,836,000**	**13,000,000**	**253,212,999**	**13,000,000**	**253,943,999**	**13,000,000**	**252,713,231**	**13,000,000**	**232,713,231**	**10,000,000**	**3,462,678,016**